

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 06/2021/HNGĐ - ST

Ngày 29/7/2021

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công H, ông Đinh Duy Q.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị H – Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Khánh V, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Xóm H, xã Gia T, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chị V và anh H đều vắng mặt – đều có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2021, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị Khánh V trình bày: Tôi và anh Trần Văn H được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13/10/2017 tại Ủy ban nhân dân(UBND) xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi kết hôn tôi và anh H chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, làm ảnh hưởng tới tâm lý, đời sống của hai vợ chồng và con cái. Mặc dù cả hai vợ chồng đã nhiều lần cố gắng để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn nên đến cuối năm 2018 chúng tôi đã sống ly thân. Kể từ đó cho đến nay tôi cùng con gái đã về sống tại nhà bố mẹ đẻ ở xóm H, xã G, huyện G, tỉnh N. Anh H không xuống thăm con hay liên lạc gì với tôi. Hiện nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị V trình bày vợ chồng có một con chung. Cháu tên là Trần Thị Khánh H, sinh ngày 24/3/2018. Hiện nay, cháu đang ở với tôi. Nay ly hôn thì tôi đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu và không đề nghị anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị V xác định vợ chồng chị không có tài sản chung, công nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ văn bản tố tụng nhưng anh H không lên Tòa án tham gia hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại bản tự khai ngày 12/4/2021, anh H thừa nhận việc kết hôn đúng như chị V đã trình bày nêu trên. Anh H có ý kiến sau khi cưới, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng trái ngược nhau, dẫn đến hay to tiếng cãi vã. Vì vậy, anh H đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung, anh H cũng xác định vợ chồng có một con chung. Cháu tên là Trần Thị Khánh H, sinh ngày 24/3/2018. Khi ly hôn, anh H cũng đồng ý để chị V được nuôi dưỡng cháu H và anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Trong bản tự khai anh H cũng xác định vợ chồng không có gì hết, không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Trần Văn H có địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của chị Đặng Thị Khánh V và anh Trần Văn H là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đầu thì sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo sự trình bày của hai bên là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi cọ nhau. Bản thân anh H dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng không lên Tòa án để tham gia hòa giải nên anh H cũng không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng và anh H cũng đồng ý ly hôn. Do đó có căn cứ xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng chị Đặng Thị Khánh V và anh Trần Văn H đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Khánh V, xử cho chị V được ly hôn anh Trần Văn H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Do sự trình bày của hai bên là thống nhất nên Tòa án xác định vợ chồng chị V, anh H có một con chung. Cháu tên là Trần Thị Khánh H, sinh ngày 24/3/2018. Hiện nay cháu đang ở với chị V. Khi ly hôn chị V đề nghị được nuôi con chung. Anh H cũng đồng ý để chị V tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Do đó cần giao cháu Trần Thị Khánh H cho chị Đặng Thị Khánh V tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là thỏa đáng. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị V không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền nuôi con là tự nguyện nên không buộc anh H phải đóng góp tiền nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị V và anh H đều xác định không có tài sản chung, công nợ chung nên mối quan hệ này Tòa án không xét.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị Khánh V phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Đặng Thị Khánh V được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị Khánh V được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Thị Khánh H, sinh ngày 24/3/2018 kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị Khánh V phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2019/0000316 ngày 30/3/2021.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh N;
- VKS huyện G;

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Chi cục THADS G;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

NGUYỄN HỮU Q